

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - TKV  
[www.vangdanhcoal.com.vn](http://www.vangdanhcoal.com.vn)

A large pile of coal dominates the left side of the image, sloping upwards. In the background, a worker wearing a hard hat and dark clothing stands on a smaller pile of coal, looking towards the right. The sky is bright and hazy.

***BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010***





## MỤC LỤC

**Thông điệp của HĐQT**

**Tổng quan**

**Báo cáo của HĐQT**

**Báo cáo của Ban điều hành**

**Tổ chức – Nhân sự**

**Thông tin cổ đông và quản trị Công ty**

**Báo cáo tài chính**





## **GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

Phát triển triển ổn định và bền vững theo tiêu chí  
“Mỏ an toàn - Mỏ sạch - Mỏ hiện đại - Mỏ sản  
lượng cao”.

## **MỤC TIÊU**

An toàn- Đổi mới - Phát triển bền vững.

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Doanh thu năm 2010 đạt 2.300 tỷ đồng, tăng 13,8% so với kế hoạch, tăng 37,3% so với năm 2009, lợi nhuận trước thuế đạt 88,437 tỷ đồng, hoàn thành 161% so với kế hoạch, và tăng 48,1% so với năm 2009.

## LỢI NHUẬN BỀN VỮNG, ĐỒNG HÀNH CÙNG NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty Cổ phần than Vàng Danh-TKV, doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Sức mạnh của Công ty là Khai thác, chế biến và Kinh doanh than.

Được thành lập từ năm 1964, trải qua 46 năm xây dựng và trưởng thành Công ty luôn có sự phát triển; Từ những năm đầu thành lập sản lượng khai thác than chỉ đạt 29.615 tấn/năm đến năm 1997 sản lượng than khai thác đã đạt công suất thiết kế 620.164 tấn/năm; Năm 2007 đạt 3,042 triệu tấn; năm 2010 đạt 3,306 triệu tấn và dự kiến trong 5 năm tới đạt công suất Mỏ đến 4,5 triệu tấn vào năm 2015; Những năm gần đây TVD đã vinh dự được Đảng và Nhà nước, bộ, ban ngành trao tặng nhiều danh hiệu cao quý như: “Huân chương độc lập hạng ba” năm 1999, “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới” năm 2003, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2005 – 2007, “Huân chương độc lập hạng nhì” năm 2009, hai lần đoạt giải thưởng “Thương hiệu Chứng khoán uy tín năm 2009 và năm 2010” do Hiệp hội chứng khoán (VASB) và trung tâm thông tin tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức.

Giá trị của chúng tôi được xây dựng trên nền tảng của sự phát triển ổn định và bền vững theo tiêu chí “**Mỏ an toàn - Mỏ sạch - Mỏ hiện đại - Mỏ sản lượng cao**”. Giá trị đó luôn là yếu tố không thay đổi đồng hành cùng với sự phát triển và thành công của Công ty.

Công ty Cổ phần than Vàng Danh - TKV hoạt động dựa trên quy luật nhân bản, lấy con người làm trung tâm. Bên cạnh đó, nền tảng của sự minh bạch, tin cậy và công bằng là những yếu tố dẫn dắt mọi định hướng của chúng tôi. Tất cả cùng hướng đến mục tiêu “**An toàn- Đổi mới - Phát triển bền vững**”. Những quy luật và nền tảng hoạt động đó đã đi cùng chúng tôi kể từ khi thành lập và đến nay đã trở thành truyền thống văn hóa của doanh nghiệp.

Với tư cách là một Công ty khai thác than hầm lò hàng đầu của VINACOMIN hiện nay, chúng tôi đã phát triển và xây dựng lên sự đan xen với các giá trị không thể tách rời giữa sản xuất, kinh doanh, con người và môi trường sống. Chúng tôi đặt ra các tiêu chí cho hoạt động của mình. Đó là:

**Con người:** Con người luôn là trung tâm, là yếu tố quyết định làm nên giá trị cuộc sống, định hướng chiến lược phát triển của Công ty. Con người là tài sản đặc biệt, là bộ phận hiện thực hóa của thành công và phát triển Công ty.

**Đối tác:** Đối tác của Than Vàng Danh luôn được coi trọng xứng đáng với những gì mà chúng tôi cùng họ đạt được. Quan hệ đối tác của Than Vàng Danh trên cơ sở tin cậy, bình đẳng và công bằng.

**Cộng đồng:** Công ty CP than Vàng Danh luôn là yếu tố tin cậy của cộng đồng, cùng cộng đồng xây dựng một xã hội văn minh và giàu mạnh góp phần vào sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước.

**Sự phát triển:** Công ty CP than Vàng Danh cam kết hoạt động vì sự phát triển bền vững. Do vậy chúng tôi luôn làm hết mình vì một môi trường an toàn, trong lành và bền vững không chỉ cho Công ty chúng tôi mà còn cả cộng đồng xã hội và chúng tôi luôn bảo vệ quyền lợi của những nhà đầu tư. Hệ thống tài chính, quản lý tài chính, kiểm toán và kiểm soát tài sản dựa trên nền tảng có độ tin cậy cao.



## Lịch sử phát triển Công ty

### Năm 1964

Tiền thân CTCP Than Vàng Danh -TKV là Mô than Vàng Danh được thành lập theo Quyết định số: 262/BCNNg-KB2 ngày 06/06/1964 của Bộ Công nghiệp nặng.

### Năm 1996

Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) có Quyết định số 2604/QĐ/TCCB thành lập Mô than Vàng Danh đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Tổng công ty Than Việt Nam - nay là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

### Ngày 01/10/2001

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam ban hành Quyết định số 405/QĐ/HĐQT của Chủ tịch HĐQT về việc đổi tên Mô than Vàng Danh thành Công ty Than Vàng Danh.

### Ngày 08/11/2006

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ký Quyết định số 2458 QĐ/HĐQT về việc đổi tên từ Công ty Than Vàng Danh thành Công ty Than Vàng Danh - TKV.

### Năm 2007

Công ty Than Vàng Danh – TKV nằm trong danh sách các Công ty than được cổ phần hóa theo Quyết định số 1119/QĐ-BCN ngày 03/04/2007 của Bộ Công nghiệp. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 01/07/2007. Tổ chức sản xuất của Công ty Than Vàng Danh - TKV được khép kín từ khâu khai thác đến chế biến, tiêu thụ than từ Vàng Danh ra Cảng Điện Công. Kể từ ngày 16/09/2007, bộ phận vận tải chính của Công ty là đường sắt 1000 ly và kho, cảng được điều động về Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam theo quyết định của Vinacomin, Công ty chỉ còn chức năng chính là sản xuất than. Than sản xuất ra được bán duy nhất cho Vinacomin thông qua Công ty Kho vận đá bạc – TKV theo giá bán nội bộ do Vinacomin quy định. Việc bán than đến hộ tiêu dùng trong nước hoặc xuất khẩu do Vinacomin thực hiện.

### Ngày 30/03/2007

Theo Quyết định 714/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 03 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên trong đó có Công ty Than Vàng Danh - TKV, Công ty Than Vàng Danh – TKV đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước từ ngày 01/01/2007

### Ngày 05/03/2008

Tổ chức đấu giá bán cổ phần ra công chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

### Ngày 01/07/2008

Chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần với tên gọi mới là “Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – TKV”.



## SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2010

1



### Chào mừng Đại hội Đảng Bộ Tỉnh Quảng Ninh

Ngày 28/4/2010, Toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty CP Than Vàng Danh - TKV trân trọng tổ chức Lễ gắn biển Công trình khai thác Lò chợ đầu tiên của Dự án đầu tư khai thác Lò Giếng Khu Cánh Gà – Mỏ than Vàng Danh.

Đây là Công trình được vinh dự gắn biển Chào mừng Đại hội Đảng Bộ Tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIII.

2

Tháng 5/2010, Đoàn đại biểu Công ty cổ phần Than Vàng Danh - TKV tham dự Đại hội thi đua yêu nước Tập đoàn Công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam lần thứ III



### Tháng 6/2010, Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV số 2872/NQ-TVD-ĐHCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2010 có quyết định về việc chi trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu (16% vốn điều lệ) và chi trả cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (7,89% vốn điều lệ)

3



4



### Giải thưởng Thương hiệu Chứng khoán uy tín 2009

Giải thưởng do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB); Trung tâm Thông tin Tín dụng Ngân hàng Nhà nước VN (CIC); Tạp chí Chứng khoán Việt Nam - UBCKNN; Công ty Truyền thông Tài chính Việt Nam (VNSF) ; Công ty Cổ phần Văn hóa - Thông tin Thăng Long (TIC.media) sáng lập và phối hợp tổ chức.

5

### Ngày 18/8/2010

Khởi công dự án chống lò vì neo chất dẻo lưới thép phun bê tông tại lò xuyên vỉa thông gió + 115 Khu II – Giếng Cánh Gà



## COMPANY REVENUE



## Báo cáo của HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2010 vừa qua, Hội đồng quản trị Công ty đã có sự thay đổi về nhân sự do Tập đoàn Công nghiệp than-Khoáng sản Việt Nam điều động Ông Lê Minh Chuẩn - Chủ tịch HĐQT và ông Phạm Văn Mật - UV HĐQT, Giám đốc Công ty về Tập đoàn. Công ty đã bổ sung ông Khuất Mạnh Thắng-PGD và ông Đinh Quang Minh - PBT Đảng ủy vào HĐQT, như vậy HĐQT vẫn đảm bảo cơ cấu với 5 thành viên (3 thành viên tham gia điều hành và 2 thành viên không tham gia điều hành).

HĐQT đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức 8 cuộc họp HĐQT để triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chiến lược SXKD của Công ty, đưa ra các quyết định chính xác, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế sản xuất, kinh doanh của Công ty cụ thể như sau.

### *i. Xây dựng cơ chế điều hành SXKD năm 2010:*

HĐQT đã phê duyệt và tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2010 phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và ngành than nhằm hạn chế ảnh hưởng xấu của cơ chế thị trường đến kết quả SXKD của Công ty, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu như: Sản xuất than nguyên khai, mét lò đào mới, bóc đất đá lộ vỉa, doanh thu, nộp ngân sách, lợi nhuận, bảo toàn vốn (báo cáo của Giám đốc điều hành).

### *ii. Điều chỉnh về cơ cấu tổ chức sản xuất:*

Trong năm HĐQT đã quyết định thành lập thêm phân xưởng khai thác số 13(KT13) vào thời điểm thích hợp để tăng tốc độ sản xuất và chuẩn bị diện cho năm 2010 và các năm sau. Đã bổ nhiệm 9 cán bộ quản lý chủ chốt từ Trưởng phòng, Quản đốc trở lên nhằm khép kín công tác chỉ huy điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

### *iii. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển:*

HĐQT đã chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ các dự án năm 2009 chuyển sang như: Hoàn thiện dự án giếng Cánh Gà, đã chuẩn bị xong một lò chợ ra than ở khu vực này vào 28/04/2010; Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ dự án xuống sâu mức -200 giếng Vàng Danh, năm 2010 đã đào được 1865 m lò. Đã giải ngân các công trình đầu tư năm 2010 là 391,991 tỷ = 99,19 % so với kế hoạch và = 141% so với năm 2009.

### *iv. Chỉ đạo rà soát, xây dựng quy chế:*

HĐQT đã chỉ đạo cơ quan quản lý tiến hành sửa đổi, bổ sung quy chế tài chính, quy chế đầu tư xây dựng, phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty. Đã tiến hành chỉ đạo rà soát sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty phù hợp với các quy định mới của pháp luật (có báo cáo kèm theo).

**Kết quả đạt được trong năm 2010 của Công ty cổ phần than Vàng Danh - TKV đã khẳng định: Các thành viên hội đồng quản trị đều hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, làm việc khẩn trương, phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty và của các cổ đông.**



#### ***iv. Công tác áp dụng công nghệ mới:***

HĐQT đã chỉ đạo tiếp tục đầu tư các công nghệ mới cơ giới hoá khai thác và đào lò, vận tải trong hầm lò, cải tạo nhà máy tuyển... Để nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao năng xuất lao động cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân.

Tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010, đã niêm yết cổ phiếu Than Vàng Danh (TVD) trên sàn chứng khoán ngày 11/01/2011.

#### **Về nhiệm vụ giám sát của HĐQT.**

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, HĐQT đã giám sát Ban Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty thông qua việc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT và nhiệm vụ SXKD của Công ty, cụ thể là:

- Trong năm 2010, Hội đồng quản trị đã họp 08 phiên và ra các nghị quyết và quyết định liên quan đến công tác quản lý điều hành sản xuất nhằm thực hiện có hiệu quả những mục tiêu Đại hội đồng cổ đông năm 2010 Công ty đã đề ra. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nội dung Nghị quyết của HĐQT và đại hội đồng cổ đông.

- Về thực hiện hiện nhiệm vụ SXKD năm 2010: Trên cơ sở nhiệm vụ SXKD được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông giao, Ban Giám đốc cùng với đội ngũ cán bộ quản lý Công ty đã triển khai kế hoạch SXKD cho từng đơn vị, phòng ban, đồng thời tổ chức kiểm tra, rà soát và trình HĐQT ban hành các quy chế quản lý, các định mức kinh tế kỹ thuật cho phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

Đã chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể như sau: Than nguyên khai: 3.307.051 tấn = 100,2%; Mét lò mới: 40.336 m = 100,2 %; Bóc đất đá lộ vỉa: 2.936.596 m<sup>3</sup> = 97,1%; doanh thu: 2.314,1 tỷ; nộp ngân sách: 261,4 tỷ; Lợi nhuận 88,4 tỷ, mức cổ tức 18%; thu nhập người lao động bình quân: 8.489.000 đ/người tháng.

Trong quá trình điều hành, Ban Giám đốc đã phối hợp tốt với các tổ chức Đảng và đoàn thể quần chúng vừa đảm bảo mục tiêu sản xuất kinh doanh

vừa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động tạo ra nét đẹp truyền thống công nhân Vàng Danh.

\* HĐQT nhận xét, đánh giá: Công ty cổ phần vừa đi vào hoạt động từ tháng 7/2008, qua hơn hai năm hoạt động của Công ty luôn luôn đạt hiệu quả và mức tăng trưởng hàng năm. Kết quả trên đã khẳng định sự nỗ lực của lãnh đạo Công ty trong đó có phần đóng góp quan trọng và quyết định của Ban Giám đốc điều hành và đội ngũ cán bộ quản lý Công ty vì lợi ích của cổ đông, vì mục tiêu “**An toàn – Tiến độ – Chất lượng – Hiệu quả**” để Công ty phát triển bền vững.

#### **Một số định hướng phát triển Công ty.**

Năm 2011 là năm sẽ có nhiều khó khăn, HĐQT tiếp tục nêu cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm để lãnh đạo Công ty hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã giao cho với mục tiêu “**An toàn - Đổi mới – Phát triển bền vững**”.

- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế điều hành, các quy chế... để chỉ đạo bộ máy quản lý phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu năm 2011: Sản xuất 3.500.000 tấn than, đào 45.963 mét lò mới, doanh thu trên 2.536 tỷ, lợi nhuận trên 89 tỷ, mức cổ tức không thấp hơn 16%;

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án: Đào lò XDCB dự án giếng Cánh gà để năm 2011 có thêm 2 lò chợ; Đưa cơ giới hóa để tăng tốc độ đào lò giếng trong dự án mở rộng khu giếng Vàng Danh đến mức -200, cần thiết sẽ thuê ngoài đào lò; Hoàn thiện các thủ tục pháp lý để khởi công xây dựng dự án nhà máy tuyển Vàng Danh-2.

- Hoàn thiện và mở rộng áp dụng công nghệ khấu than bằng giá khung ZH, dàn KDT-1, lò chợ cơ giới hóa động bộ đặc biệt coi trọng công nghệ neo dèo để giảm chi phí sản xuất.

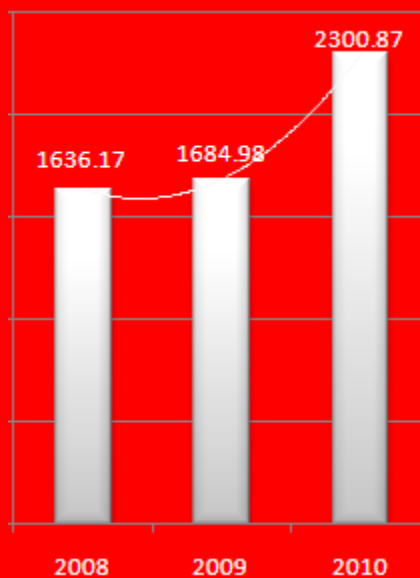
- Thành lập thêm phân xưởng K12 và phân xưởng KT14 để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ năm 2011 và các năm tiếp theo.





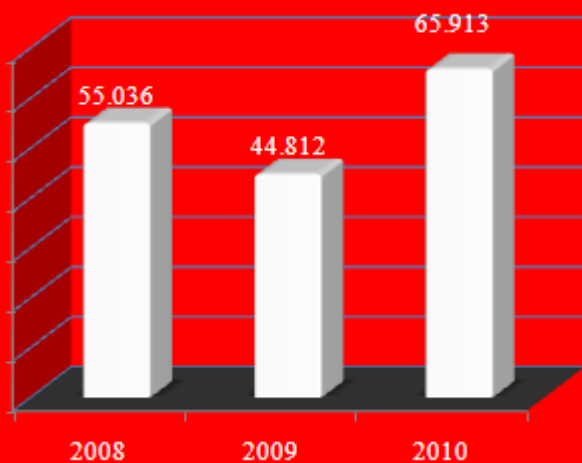
## TỔNG DOANH THU

Đơn vị: tỷ đồng



## LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Đơn vị: tỷ đồng



### Thực hiện nghĩa vụ Ngân sách Nhà nước

Trong năm 2010, TVD đã nộp vào ngân sách 261,408 tỷ đồng, đạt 227,% so với năm 2009.

## Đánh giá kết quả

### hoạt động sản xuất

### kinh doanh năm 2010

- Tổng doanh thu tăng trưởng **37,3%**
  - Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng **48,1%**
  - Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng **47,1%**
  - Lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng trưởng **31,4%**
- So với **2009**

## Tóm tắt kết quả kinh doanh 2009

Tổng doanh thu tăng trưởng 37,3% đạt 2.300,87 tỷ VND, vượt 13,8% kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận trước thuế đạt 88,437 tỷ đồng, hoàn thành 161% so với kế hoạch, và tăng 48,1% so với năm 2009. Lợi nhuận sau thuế đạt 65,913 tỷ VND, tăng 47,1% so với cùng kỳ. Lãi cơ bản trên cổ phiếu công ty đạt 4.774 VND, tăng 31,4% so với năm 2009.

Đơn vị: tỷ VND

Khoản mục	Năm 2009	Năm 2010	Tăng trưởng so với năm 2009
Tổng doanh thu	1.684,987	2.300,87	37,3%
Lãi trước thuế	59,752	88,437	48,1%
Lãi sau thuế	44,812	65,913	47,1%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bình quân	3,633	4,774	31,4%

## Báo cáo của Ban Giám đốc



## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### a. Chỉ số tài chính

Các chỉ tiêu	2009	2010
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	1.23	1.18
- Hệ số thanh toán nhanh =(TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH	0.92	1.00
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
- Hệ số nợ/tổng tài sản	0.84	0.84
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	5.08	5.08
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
- Vòng quay hàng tồn kho (=Giá VHB/hàng tồn kho bq)	16.31	23.18
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.62	1.96
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	2.66%	2.86%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	31.66%	40.35%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	4.32%	5.60%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	3.50%	4.08%

### b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	ĐV tính	KH	Thực hiện	TH2010/ TH 2009
<b>Than nguyên khai</b>	Tấn	3.300.000	3.307.051	Tăng 6%
Than hầm lò	Tấn	2.700.000	2.700.982	Tăng 14,9%
Than Lộ via	Tấn	350.000	375.069	Bằng 76%
Than thuê thầu khai thác	Tấn	250.000	231.000	Bằng 83,9%
Than sạch	Tấn	2.811.000	2.793.219	Tăng 2,2%
<b>Mét lò đào mới</b>	Mét	42.575	40.403	Tăng 5,3%
Mét lò CBSX	Mét		34.583	Bằng 110,3%
Mét lò XDCCB	Mét		5.820	Bằng 76,1%
Bóc đất lộ via	M <sup>3</sup>		2.936.596	Tăng 24,9%
Tiêu thụ than	Tấn		2.835.142	Tăng 6,2%
Tồn thất tài nguyên		37,24%	34,05%/	Giảm 3,19%

Năm 2010 là một năm khá khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Diện sản xuất ngày càng xuống sâu và vào xa hơn, tình hình địa chất luôn thay đổi phức tạp, nhiều đơn vị phải chuyển diện.
- Điện lưới cho sản xuất thiếu và không ổn định, đã ảnh hưởng lớn đến tiến độ sản xuất của Công ty.
- Thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng kéo dài, mưa lớn gây lũ quét cục bộ làm phá vỡ công trình suối bê tông Tây Vàng Danh 2,

nước chảy xuống các lò giếng Vàng Danh, đã làm gián đoạn sản xuất một số đơn vị.

- Giá cả vật tư, vật liệu đầu vào năm 2010 tăng bình quân 12% gây khó khăn cho công tác điều hành chi phí của Công ty.

Tuy nhiên với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên và sự chỉ đạo thường xuyên của Tập đoàn và sự giúp đỡ tạo điều kiện của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương đã tạo điều kiện cho Công ty, cơ bản hoàn thành các mục tiêu năm 2010 đề ra.

### Bảng tổng hợp chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

	ĐV tính	KH	Thực hiện	TH2010/ TH 2009
<b>Than nguyên khai</b>	Tấn	3.300.000	3.307.051	Tăng 6%
Than hầm lò	Tấn	2.700.000	2.700.982	Tăng 14,9%
Than Lộ via	Tấn	350.000	375.069	Bằng 76%
Than thuê thầu khai thác	Tấn	250.000	231.000	Bằng 83,9%
Than sạch	Tấn	2.811.000	2.793.219	Tăng 2,2%
<b>Mét lò đào mới</b>	Mét	42.575	40.403	Tăng 5,3%
Mét lò CBSX	Mét		34.583	Bằng 110,3%
Mét lò XDCCB	Mét		5.820	Bằng 76,1%
Bóc đất lộ via	M <sup>3</sup>		2.936.596	Tăng 24,9%
Tiêu thụ than	Tấn		2.835.142	Tăng 6,2%
Tồn thất tài nguyên		37,24%	34,05%/	Giảm 3,19%

Trong năm 2010, Doanh thu tổng số: 2.314,18/ 2.033,048 tỉ đồng, tăng 13,8% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2010, tăng 37,3% so với năm 2009, trong đó:

- Doanh thu than: 2.142 tỉ đồng, tăng 13,6% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2010, tăng 39,9% so với năm 2009;
- Doanh thu khác: 172,18 tỉ đồng, tăng 11,8% so với năm 2009;



## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### c. Chỉ số tài chính

#### Các khoản chi phí ảnh hưởng tới lợi nhuận 2010 của Công ty

CHI PHÍ	2009		2010	
	GT	%/DTT	GT	%/DTT
Giá vốn hàng bán	1.441.105,29	85,53	1.946.936,34	84,62
Chi phí bán hàng	2.996,10	0,18	3.280,32	0,14
Chi phí quản lý	128.822,56	7,65	188.298,59	8,18
Chi phí khác	817	0,06	7.343,77	0,38
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1.573.740,95</b>	<b>93,41</b>	<b>2.145.859,02</b>	<b>93,32</b>

Nhìn chung tỷ lệ các khoản mục chi phí so với doanh thu năm 2010 không có nhiều biến động, cá biệt là khoản mục giá vốn hàng bán năm 2010 giảm nhẹ so với năm 2009 (từ 85,53% xuống còn 84,62%).

### CÁC BIỆN PHÁP ĐIỀU HÀNH NỔI BẬT TRONG NĂM 2010

#### Công tác đầu tư - đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất, môi trường

- Giá trị đầu tư thực hiện 391,991 tỉ đồng, các dự án hầm lò và một số công trình xây lắp mặt bằng đã thi công đúng kế hoạch đề ra. Đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật BVMT đối với hoạt động khai thác khoáng sản. Tổ chức trồng cây hoàn nguyên môi trường 20,5 ha, chăm sóc, bảo vệ 242 ha rừng, xây kè chắn đất đá bãi thải, xử lý nước thải, thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Tổng giá trị chi cho công tác môi trường năm 2010 là 18,4 tỷ đồng;
- Bổ trí đủ diện tích cho các đơn vị sản xuất. Trong năm, đã tập trung chỉ đạo, hoàn thiện công nghệ mới: Hoàn thiện công nghệ chống giữ lò bằng giá ZH, tập trung áp dụng hệ

thống chia lớp ngang nghiêng, chống lò bằng giá TLDD thay cho hệ thống khai thác buồng lò thượng, góp phần nâng cao độ an toàn cho người lao động và giảm tổn thất than;

- Giám sát kiểm soát tốt khí, gió và nước ở các khu vực sản xuất, điều chỉnh mạng gió ở từng khu vực hợp với điều kiện thực tế;
- Phối hợp với Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp, tổ chức triển khai thực hiện thành công công nghệ chống lò bằng vì neo dèo, lưới thép kết hợp bê tông phun tại phân xưởng K11 và Đ1 bước đầu đạt hiệu quả tốt;

#### Công tác An toàn – Bảo hộ lao động

Trong năm, công tác an toàn lao động luôn được Công ty coi trọng đặt lên hàng đầu. Công ty đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp, biện pháp bảo đảm an toàn nhằm

ngăn ngừa, hạn chế TNLĐ như sửa đổi, bổ sung nhiều quy trình, thiết kế, biện pháp thi công cho phù hợp với điều kiện thực tế; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tuyên truyền giáo dục, huấn luyện và đầu tư cho công tác AT- BHLĐ; Mặc dù đã phân đầu tích cực thậm chí quyết liệt song công tác AT - BHLĐ không hoàn thành mục tiêu Nghị quyết ĐHCĐ năm 2010 đã đề ra, trong năm vẫn để xảy ra 31 vụ TNLĐ nặng, 3 vụ TNLĐ nghiêm trọng;

#### Hoạt động đời sống, văn hoá - thể thao, sáng kiến, an ninh trật tự.

- Năm 2010, lãnh đạo Công ty đã tổ chức gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với CBCNV toàn Công ty, việc tiếp công dân được duy trì đều hàng tháng, giải quyết đơn thư của CBCNV kịp thời đúng quy định, dân chủ cơ sở được

phát huy.

- Các công trình đời sống như: ăn, ở, tắm, giặt, sấy, nhà giao ca, phương tiện đi lại, luyện tập thể thao... tiếp tục được cải thiện hơn. Đời sống tinh thần tiếp tục được quan tâm, các hoạt động du lịch, tham quan được duy trì.
- Trong năm, có 166 sáng kiến hợp lý hoá được áp dụng, giá trị làm lợi trên 2,7 tỷ đồng.
- Công tác bảo vệ, an ninh trật tự tiếp tục được tăng cường, giữ vững. Kết quả là đã ngăn chặn về cơ bản nạn trộm cắp than, tài sản của Công ty; trong ranh giới mỏ do Công ty quản lý không có lò khai thác than trái phép hoạt động.

### KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2011

	ĐV tính	KH
<b>Than nguyên khai</b>	Tấn	3.500.000
Than hầm lò		3.000.000
Than Lộ via		300.000
Than thuê thầu khai thác		200.000
Than sạch		
<b>Mét lò đào mới</b>	Mét	45.963
Mét lò CBSX		7.678
Mét lò XD CB		38.285
Bóc đất lộ via	M <sup>3</sup>	2.550.000
Tiêu thụ than	Tấn	2.980.000
Tổng doanh thu	Triệu đồng	2.536.861
Doanh thu than		2.370.869
Lợi nhuận	Triệu đồng	89.069
Tiết kiệm chi phí	Triệu đồng	10.599
Cổ tức		>16%
Thu nhập bình quân		7,7 triệu đồng/người/tháng



## Các biện pháp chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh

### 1. Công tác tổ chức sản xuất

- Hoàn thiện tổ chức sản xuất phù hợp với điều kiện cụ thể của từng đơn vị, nâng cao hiệu quả sản xuất;
- Thành lập phân xưởng Đào lò 12 (K12) vào tháng 02/2011 và thành lập phân xưởng khai thác 14 (KT14) dự kiến vào cuối quý II năm 2011;
- Đảm bảo tốt nhất các yêu cầu sản xuất cho các đơn vị;

### 2. Công tác điều hành sản xuất- tiêu thu, quản trị chi phí, quản lý vật tư:

- Điều hành sản xuất theo nguyên tắc "mềm- linh hoạt" phù hợp với yêu cầu của Tập đoàn giao và điều kiện sản xuất của từng đơn vị trong Công ty;
- Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo cân đối hợp lý giữa doanh thu- chi phí;

### 3. Công nghệ khai thác và đào lò

- Tăng cường áp dụng công nghệ có năng suất cao, phù hợp với điều kiện của Công ty;
- Tiếp tục nghiên cứu lựa chọn hệ thống khai thác cơ giới hoá cho vỉa dốc đứng phù hợp hơn;
- Tập trung và đẩy nhanh tiến độ đào lò XDCB, CBSX đảm bảo đủ diện sản xuất, đáp ứng nhu cầu ra than năm 2011, đặc biệt là giếng Cánh gà để năm 2011 có thêm 02 lò chợ tham gia sản lượng theo kế hoạch;
- Đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ chống lò bằng vôi neo chất dẻo, lưới thép kết hợp bê tông phun ở các đường lò đá;

### 4. Công tác cơ điện, vận tải

- Duy trì ổn định hệ thống điện đảm bảo cung cấp đủ điện cho sản xuất; chuẩn bị tốt nguồn điện dự phòng để phát bù công suất khi phải giảm tải hoặc cung cấp điện đủ cho hệ thống thông gió, hệ thống thoát nước hoạt động ổn định khi mất điện;
- Hoàn thiện dây chuyền vận tải đá giếng nghiêng chính Vàng Danh mức +110 -:- - 200 để tăng tốc độ đào lò của dự án này;
- Triển khai thực hiện ngay việc lập phương án, biện pháp cải tạo nâng công suất tuyến vận tải băng tải vỉa 6, 7 giếng Vàng Danh;
- Thực hiện các biện pháp giảm số vụ sự cố thiết bị cơ điện làm gián đoạn thời gian sản xuất;

### 5. Công tác thông gió thoát nước, thăm dò tài nguyên

- Cần tính toán phương án thông gió phù hợp với điều kiện sản xuất của từng khu vực, từng phân xưởng, đảm bảo các diện sản xuất trong hầm lò đủ điều kiện theo quy định cho công nhân làm việc;
- Quản lý, sử dụng có hiệu quả hệ thống quan trắc khí tập trung, các trang thiết bị đo khí, cấp cứu mỏ, nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý khí mỏ, cảnh báo, ngăn ngừa các nguy cơ mất an toàn về khí;
- Tổ chức quan trắc, dự báo và có biện pháp phù hợp cho công tác thoát nước; trang bị đầy đủ trang thiết bị khoan thăm dò và chỉ đạo các đơn vị tổ chức khoan thăm dò trước gương theo đúng quy định để loại trừ nguy cơ bực, tụt nước, bực khí;

### 6. Công tác Sàng tuyển

- Duy trì ổn định hệ thống sàng tuyển hiện có; hoàn thiện và đưa vào vận hành băng tải cám từ Nhà máy tuyển ra kho Tam giác quay; Quản lý vận hành có hiệu quả dây chuyền sàng nghiền tại kho Tam giác quay, dây chuyền lọc ép bùn nước Nhà máy tuyển để hỗ trợ và nâng cao công suất sàng tuyển đáp ứng yêu cầu sản xuất và tiêu thụ năm 2011;
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sàng tuyển Vàng Danh II nhằm đáp ứng yêu cầu sàng tuyển cho các năm sau.

### 7. Công tác Bảo vệ môi trường

- Tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, thực hiện nghiêm túc các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); dự án cải tạo môi trường đã được duyệt; đảm bảo không để xảy ra bất kỳ sự cố môi trường nào;
- Phối hợp và hỗ trợ các điều kiện cho Công ty TNHH 1 thành viên môi trường - TKV thi công nhanh dự án xử lý nước thải Vàng Danh. Nghiên cứu việc tận dụng nguồn nước sau xử lý để phục vụ cho sản xuất công nghiệp;
- Khảo sát lại toàn bộ các khu vực bãi thải, các bờ lộ vỉa, xử lý các bãi thải cao để có biện pháp hoàn thổ, trồng cây phủ xanh các khu vực bãi thải đã ổn định, sớm đảm bảo cảnh quan môi trường khu vực Vàng Danh.

### 8. Công tác An toàn:

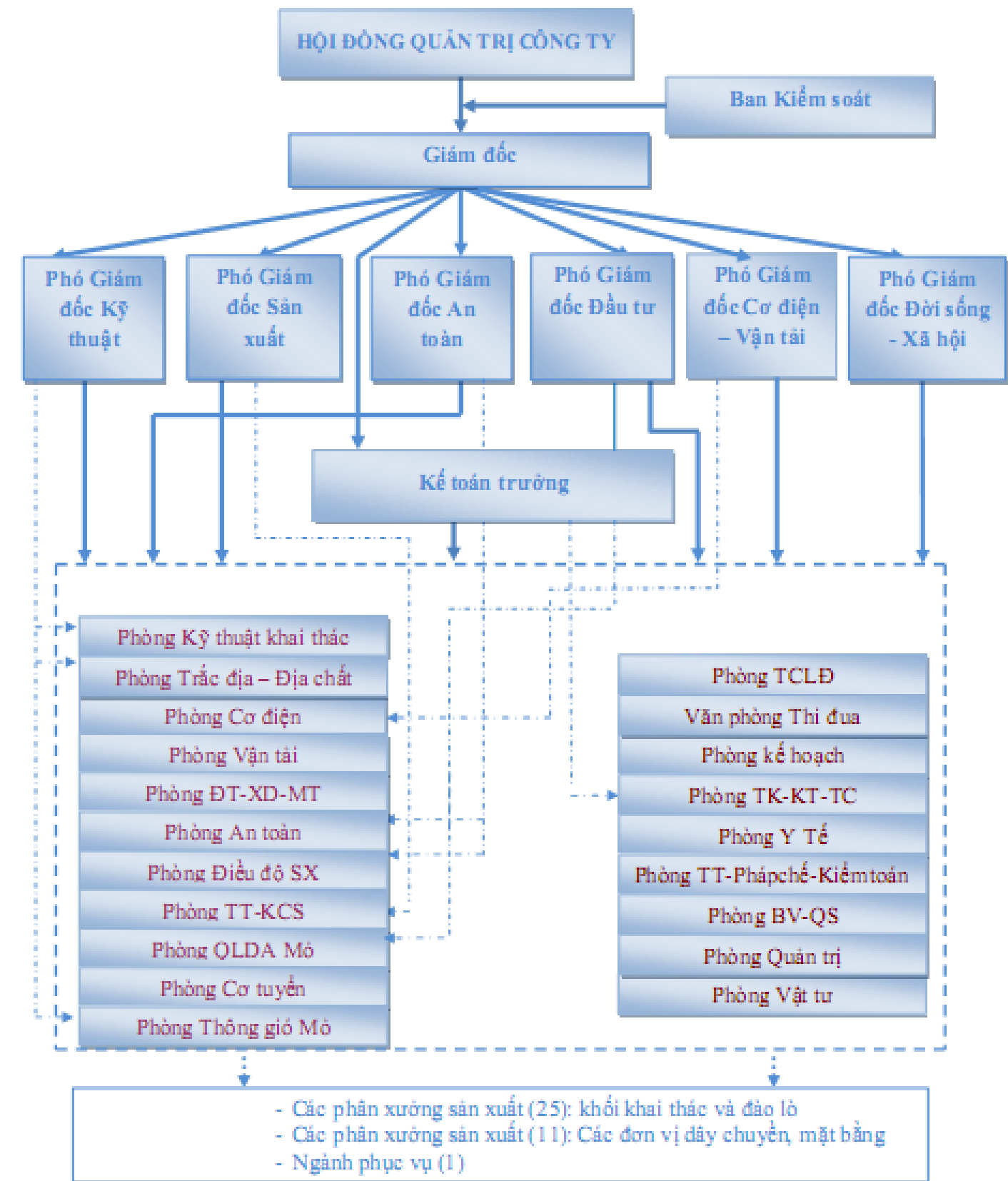
- Phân đầu không để xảy ra các vụ sự cố lớn và TNLD nghiêm trọng chết người, giảm thiểu số người mắc bệnh nghề nghiệp và bị thương do tai nạn lao động;
- Thực hiện có hiệu quả 5 nguyên tắc tự chủ an toàn và bắt buộc 100% CNCB đeo khẩu trang khi làm việc ở những nơi quy định;
- Tăng cường công tác quản lý và các biện pháp, hình thức kiểm tra, giám sát để phát hiện xử lý các vi phạm, nhằm ngăn chặn kịp thời các nguy cơ xảy ra TNLD, TNGT và sự cố, nhằm nâng cao Ý thức tự chủ an toàn của CBCNV. Kiên quyết xử lý đưa những người cố tình vi phạm công tác AT-BHLĐ ra khỏi dây chuyền sản xuất chính.





## TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### Cơ cấu tổ chức của Công ty





## Ban quản trị Công ty

<b>Ông Nguyễn Văn Trịnh</b>	:	Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc
Năm sinh	:	08/7/1960
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư khai thác mỏ
Trình độ lý luận	:	Cao cấp lý luận
<b>Ông Khuất Mạnh Thắng</b>	:	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc
Năm sinh	:	16/3/1969
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư xây dựng công trình ngầm và mỏ
Trình độ lý luận	:	Cao cấp lý luận
<b>Ông Nguyễn Tiến Phụng</b>	:	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc
Năm sinh	:	01/5/1958
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư khai thác mỏ
Trình độ lý luận	:	Không
<b>Ông Đặng Văn Kham</b>	:	Ủy viên HĐQT
Năm sinh	:	10/10/1952
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư khai thác mỏ
Trình độ lý luận	:	Cao cấp lý luận
<b>Ông Đinh Quang Minh</b>	:	Ủy viên HĐQT
Năm sinh	:	25/05/1960
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Cơ điện mỏ
Trình độ lý luận	:	Cao cấp lý luận
<b>Ông Nguyễn Quang Trung</b>	:	Phó Giám đốc
Năm sinh	:	30/01/1959
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ điện mỏ
Trình độ lý luận	:	Không
<b>Ông Phùng Đình Hòa</b>	:	Phó Giám đốc
Năm sinh	:	02/08/1955
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư khai thác mỏ
Trình độ lý luận	:	Không
<b>Ông Trịnh Xuân Thoả</b>	:	Phó Giám đốc
Năm sinh	:	10/01/1960
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Trình độ lý luận	:	Cao cấp lý luận
<b>Ông Phan Xuân Thủy</b>	:	Phó Giám đốc
Năm sinh	:	21/05/1978
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư khai thác mỏ
Trình độ lý luận	:	Không
<b>Ông Đinh Quang Lung</b>	:	Kế toán trưởng
Năm sinh	:	08/01/1953
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Trình độ lý luận	:	Không

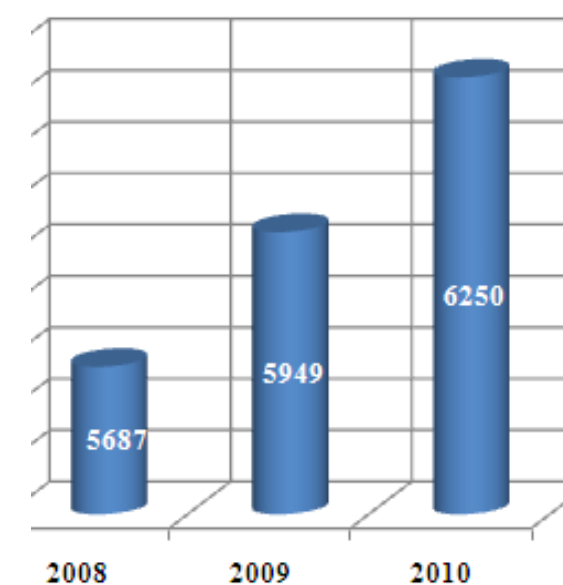
## Các thay đổi quan trọng về tổ chức và nhân sự trong năm 2010

Ông Lê Minh Chuẩn	Chủ tịch HĐQT	Thôi giữ chức từ ngày 12/4/2010
Ông Phạm Văn Mật	Ủy viên HĐQT	Thôi giữ chức từ ngày 12/4/2010
Ông Phạm Văn Mật	Giám đốc	Thôi giữ chức từ ngày 12/4/2010
Ông Nguyễn Văn Trịnh	Chủ tịch HĐQT	Giữ chức từ ngày 12/4/2010
Ông Khuất Mạnh Thắng	Ủy viên HĐQT	Giữ chức từ ngày 12/4/2010
Ông Nguyễn Văn Trịnh	Giám đốc	Giữ chức từ ngày 12/4/2010
Ông Phan Xuân Thủy	Phó Giám đốc	Giữ chức từ ngày 06/5/2010

## Biểu đồ tăng trưởng nhân sự

Do đặc thù của ngành than nên số lượng nhân sự của Công ty khá lớn, trong đó chủ yếu là hợp đồng không xác định thời hạn.

Số lượng nhân viên



Người lao động trong Công ty ngoài tiền lương được hưởng theo hệ số còn được trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho các cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho cán bộ công nhân viên.

Ngoài những quyền lợi được quy định trong Bộ Luật lao động, người lao động còn được hưởng nhiều đãi ngộ dưới các hình thức như đi lại trong làm việc, nhà ở, du lịch, nghỉ mát, vui chơi, giải trí, trợ cấp thai sản...



## QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

### Thông tin cổ đông và quản trị Công ty

#### Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2010

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010 phê duyệt ngân sách thù lao như sau:

Chức danh	Mức thù lao năm 2010
Chủ tịch HĐQT	1.773.900 đ/tháng
Thành viên HĐQT	1.533.330 đ/tháng
Trưởng ban Kiểm soát	1.533.330 đ/tháng
Thành viên Ban Kiểm soát	1.453.140 đ/tháng

#### Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2010

Năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã tiến hành các cuộc họp hàng quý, họp bất thường nhằm có những chỉ đạo kịp thời về các nội dung sau:

- Thông qua báo cáo sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán và phương án sử dụng lợi nhuận năm 2009.
- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý, năm.
- Các dự án đầu tư XD/CB và duy trì mở rộng sản xuất.
- Đề xuất mức chia cổ tức.



## Thông tin cổ đông và quản trị Công ty

### Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2010

#### Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát Công ty đã được Luật Doanh nghiệp quy định tại điều 123 và Điều lệ Công ty quy định tại điều 36 (mục 1).

- Năm 2010 Ban Kiểm soát Công ty đã tiến hành kiểm soát các hoạt động của Công ty thông qua kế hoạch chương trình công tác của Ban cụ thể như sau:

- Ban kiểm soát Công ty đã thường xuyên giám sát các hoạt động của Công ty thông qua Nghị quyết Đại hội cổ đông, Điều lệ Công ty, Nghị quyết HĐQT và các văn bản quản lý khác của Công ty.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và Ban quản lý Công ty với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác, thường xuyên trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty. Kiến nghị với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty những bất cập trong quản lý, điều hành Công ty, đồng thời đề xuất các giải pháp sửa đổi, bổ sung.
- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các qui chế, qui định nội bộ Công ty.
- Kiểm tra tính hợp pháp, tính trung thực khách quan và mức độ cần trọng trong quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác Kế toán thống kê, Tài chính và các mặt quản lý khác của Công ty.
- Thẩm định Báo cáo tài chính Công ty hàng quý và năm.  
Đề xuất lựa chọn công ty Kiểm toán độc lập mức phí kiểm toán. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban lãnh đạo Công ty.

### Kết quả kiểm soát cho thấy

#### 1. Về hoạt động quản lý điều hành của HĐQT Công ty:

- Năm 2010 HĐQT Công ty đã thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình thông qua Qui chế hoạt động của HĐQT. Thực hiện chức năng quản lý Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định...và tổ chức kiểm tra việc thực hiện.
- HĐQT Công ty thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác trong Công ty thực hiện nghiêm túc các văn bản quản lý của Nhà Nước, Tập đoàn và Công ty, cụ thể:

HĐQT đã xây dựng chiến lược phát triển SXKD dài hạn và hàng năm của Công ty, đồng thời giao Giám đốc Công ty xây dựng lộ trình đầu tư dài hạn và kế hoạch SXKD hàng năm trình HĐQT phê duyệt.

- HĐQT Công ty đã thống nhất ra Nghị quyết sắp xếp lại bộ máy quản trị Công ty, củng cố và hoàn thiện bộ máy quản lý điều hành, thành lập đơn vị mới trực thuộc Công ty, qui định và bổ sung chức năng nhiệm vụ của một số phòng ban, phân xưởng. Đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty.
- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Ban quản trị Công ty và các chức danh cán bộ quản lý khác trong Công ty theo đề nghị của Giám đốc Công ty được thực hiện đúng chế độ, đúng qui định.
- Quyết định việc huy động vốn, thuê tài sản, tài chính, đầu tư dài hạn khác và đề xuất mức cổ

tức hàng năm, xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức theo đề nghị của Giám đốc Công ty được thực hiện theo đúng Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Đến 31/12/2010 Công ty đã huy động vốn phục vụ SXKD và ĐTXD Tổng số: 658.328.481.831đ trong đó: -Vay ngân hàng: 624.528.880.780đ vay đối tượng khác: 33.799.601.051đ và Đầu tư dài hạn khác: 300.000.000đ.

- Năm 2010 Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2009 cho các cổ đông hiện hữu đồng thời hoàn tất hồ sơ tăng vốn điều lệ từ 123.340.000.000 VNĐ tương ứng với 12.334.000 cổ phần lên 152.807.900.000 VNĐ tương ứng với 15.280.790 cổ phần đồng thời dự kiến phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2010 trình đại hội đảm bảo đúng chế độ, đúng qui định;
- Công tác ĐTXD duy trì và phát triển sản xuất được HĐQT đặc biệt quan tâm. Năm 2010 HĐQT đã có nhiều cuộc họp rà soát tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư để kịp thời điều chỉnh trên tinh thần ưu tiên đầu tư cho những công trình trọng điểm, thiết thực, đáp ứng kịp thời yêu cầu phục vụ SXKD. Tổng giá trị đầu tư năm 2010 thực hiện: 391,991 tỷ/395 tỷ KH đạt 99,19 % so với năm;
- Kịp thời phê duyệt các quyết định đầu tư, dự toán, quyết toán thuộc thẩm quyền. Đồng thời tổ chức giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện của Giám đốc điều hành. Việc tổ chức đấu thầu và quản lý dự án chặt chẽ đã tiết kiệm chi phí đầu tư hàng tỷ đồng (Đấu thầu: 17,3 tỷ).
- Tuy nhiên do chế độ chính sách Nhà Nước có nhiều thay đổi ( đơn giá, định mức, tiền lương...) dẫn đến có nhiều dự án phải bổ sung, điều chỉnh nhiều lần làm ảnh hưởng

đến tiến độ thực hiện dự án. Mặt khác do đặc thù của ngành mỏ duy nhất chỉ có một đơn vị thiết kế và thẩm định dự án đó là Công ty CP Đầu tư và công nghiệp mỏ (không có đối tác để cạnh tranh) cũng gây không ít những khó khăn cho Công ty. (đơn vị chủ đầu tư) Còn có những công trình ĐTXD hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa phát huy hết công suất. Tiến độ thi công các công trình chưa đáp ứng nhu cầu đặt ra như Công trình: (Lọc ép than bùn Nhà máy tuyển, Nhà hội trường đa năng 500 chỗ, Đèn bù giải phóng mặt bằng cho các hộ dân trong khu vực Nhà máy, Các dự án cải tạo, phục hồi môi trường khai thác than do các đơn vị tư vấn lập chưa đảm bảo tiến độ...)

- HĐQT Công ty đã quyết định ban hành bổ sung và hoàn thiện các văn bản quản lý như: Qui chế dân chủ; Qui chế phối hợp lãnh đạo; Quy chế quản lý ĐTXD; Tuyển dụng và quản lý lao động; Tiền lương và thu nhập; Quản lý sản phẩm, vật tư và thiết bị, Qui định chế độ hội nghị và tiếp khách, đồng thời sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty và Qui chế tài chính Công ty. Hoàn tất thủ tục đổi tên Công ty CP Than Vàng Danh-TKV thành Công ty CP Than Vàng Danh Vinacomin theo đề nghị của TKV.
- HĐQT Công ty thường xuyên giám sát, lãnh đạo Công ty thực hiện đúng định hướng, đúng chỉ đạo của Tập đoàn.

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành đầy đủ, kịp thời đã giúp cho việc quản lý chỉ đạo điều hành SXKD năm 2010 của Công ty đạt hiệu quả cao, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, vốn của các cổ đông.



## Thông tin cổ đông và quản trị Công ty

### 2. Về Công tác tổ chức thực hiện của Ban Giám đốc điều hành Công ty:

- Ban Giám đốc điều hành Công ty đã triển khai thực hiện có hiệu quả phương án SXKD năm 2010 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc Công ty và Tổng Giám đốc Tập đoàn.
- Ban giám đốc đã kịp thời dự thảo chiến lược phát triển Công ty trên cơ sở kế hoạch SXKD hàng năm và định hướng phát triển Công ty trình HĐQT phê duyệt.
- Nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn của Nhà nước, của Tập đoàn. Nghị quyết HĐQT và các văn bản quản lý khác của Công ty.
- Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền. Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty.
- Trong năm Ban Giám đốc Công ty đã tổ chức nhiều cuộc họp tổng kết rút kinh nghiệm trong công tác quản lý. Đã tiến hành khoán giá thành theo đơn giá tổng hợp cho 15 phân xưởng hầm lò, 9 phân xưởng phụ trợ, các đơn vị còn lại Công ty khoán quản chi phí nguyên vật liệu theo định mức. Các phòng ban có các chỉ tiêu giao khoán khác nhau để làm cơ sở xét thi đua quý và năm.

- Trực tiếp thay mặt Công ty ký các hợp đồng lao động, tài chính và thương mại đảm bảo đúng Pháp lệnh HĐKT, các Hợp đồng thực hiện ký kết trong năm đều phát huy hiệu quả, khả thi, có tính thanh khoản cao, không có rủi ro thương mại và hợp đồng vô hiệu. Năng động tổ chức điều hành hoạt động SXKD và ĐTXD. Tổ chức thực hiện công tác ĐTXD theo phân cấp, các thủ tục đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện đầu tư và thanh quyết toán các công trình đầu tư được thực hiện theo đúng qui định. Các công trình, hạng mục công trình đầu tư đều được kiểm tra, kiểm toán trước khi phê duyệt quyết toán.
- Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, vận động các thành viên trong Công ty thực hiện tốt công tác môi trường, nhiệm vụ an ninh quốc phòng trên địa bàn và giữ gìn trật tự an toàn trong Sản xuất.
- Thực hiện tốt thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết. Công tác qui hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đều được thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch. Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, nâng lương, nâng bậc, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Công ty... đều được thực hiện đúng qui định của pháp luật và qui chế Công ty.

- Công tác tiếp dân được duy trì hàng tháng với tinh thần dân chủ, cởi mở. Giải quyết đơn thư của CBCNV kịp thời đúng qui định. Thường xuyên quan tâm chăm sóc sức khỏe người lao động và công tác xã hội.

### 3. Về thẩm định Báo cáo Tài chính Công ty 2010:

- Ban kiểm soát Công ty thống nhất xác nhận số liệu tại Báo cáo kết quả SXKD và Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán AASC.
- Ban kiểm soát Công ty nhận thấy phương pháp thực hiện kiểm toán, các chuẩn mực kiểm toán, kế toán và chế độ tài chính Công ty áp dụng trong Báo cáo tài chính năm 2010 đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng chế độ qui định.
- Công tác hạch toán đảm bảo không có sai sót trọng yếu, thời gian lập và gửi báo cáo tài chính các quý và năm kịp thời.
- Sổ sách kế toán thống kê đầy đủ, rõ ràng, lưu trữ chứng từ đúng qui định. Thực hiện công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, công nợ phải thu, phải trả, theo đúng hướng dẫn của Tập đoàn. năm 2010 không có trường hợp nợ xấu, nợ dây dưa không có khả năng thanh toán.

*Đánh giá sự phối hợp của HĐQT và Ban điều hành*

*Năm 2010 HĐQT và Ban Giám đốc điều hành Công ty đã thực hiện tốt chức năng và quyền hạn của mình, phối kết hợp lãnh đạo và điều hành Công ty hoạt động luôn vì lợi ích của Công ty và quyền lợi của các cổ đông.*

*Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN, với Tập đoàn, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, vốn của các cổ đông, tạo sự ổn định cho những năm tiếp theo.*

*Thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, phối hợp với Đảng ủy, Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty trên tinh thần kỷ luật đồng tâm đã lãnh đạo Công ty hoàn thành tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông Công ty đề ra.*



## Thông tin cổ đông và quản trị Công ty

### Các báo cáo thống kê về Cổ đông

Ngày chốt: 10/03/2010

Loại cổ phần	Cổ phần	%
Cổ phần phổ thông	15.280.790	100
Cổ phần ưu đãi nhân viên		-
Cổ phiếu quỹ		-
<b>Tổng</b>	<b>15.280.790</b>	<b>100</b>

Loại cổ phần	Cổ phần	%
<b>Nhà nước</b>	<b>7.814.613</b>	<b>51,14</b>
<b>Cổ đông nội bộ</b>	<b>4.570.380</b>	<b>29,91</b>
<i>HDQT, BGD, BKS và KTT</i>	<i>56.568</i>	<i>0,37</i>
<i>Cán bộ nhân viên</i>	<i>4.513.812</i>	<i>29,54</i>
<b>Cổ đông ngoài (cá nhân)</b>	<b>678.714</b>	<b>4,44</b>
<b>Cổ đông ngoài (tổ chức)</b>	<b>2.217.083</b>	<b>14,51</b>
<b>Tổng</b>	<b>15.280.790</b>	<b>100</b>

### Thông tin chung về cổ phiếu TVD 2010

Trong năm 2010, TVD đã thực hiện chi trả cổ tức và phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông như sau:

Chi trả cổ tức

- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 16% vốn điều lệ, tương đương với cổ đông sở hữu 100 cổ phần hiện hữu được chia thêm 16 cổ phần mới.
- Nguồn chi trả cổ tức là lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích lập các quỹ với giá trị 19.734.400.000 đồng

Phát hành thêm cổ phiếu

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010, Công ty tiến hành phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 7,89% vốn điều lệ tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phần hiện hữu được chia thêm 7,89 cổ phần mới.
- Nguồn chi trả cổ phiếu thưởng là 9.733.500.000 đồng trong đó:
  - Từ nguồn Quỹ Đầu tư phát triển(1) : 5.877.499.471 đồng
  - Từ nguồn dự phòng tăng vốn điều lệ : 3.856.000.529 đồng

### Các hoạt động với cổ đông và nhà đầu tư

TVD duy trì các kênh thông tin tới các cổ đông và nhà đầu tư thông qua Đại hội đồng Cổ đông thường niên, các phương tiện truyền thông đại chúng.

Trong năm 2010, TVD đã thực hiện các hoạt động chính về quan hệ cổ đông và nhà đầu tư như sau:

#### Về công bố thông tin:

- Tuân thủ đúng theo các yêu cầu về thực hiện công bố thông tin theo quy định đầy đủ, chính xác, kịp thời.

- Trong năm 2010 TVD đã tiến hành công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm, và công bố thông tin bất thường về các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; Hội đồng Quản trị liên quan đến chiến lược, kế hoạch phát triển trung - dài hạn cũng như kế hoạch kinh doanh và các hoạt động trong năm.

#### Về tổ chức các sự kiện cổ đông:

- Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên TVD tập hợp đông đảo cổ đông tham gia và tạo điều kiện để các cổ đông góp ý kiến về các vấn đề có liên quan đến Công ty



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Than Vàng Danh – TKV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – TKV tiền thân là Công ty Than Vàng Danh – TKV là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1119/QĐ-BCN ngày 03/07/2007 của Bộ Công nghiệp.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 5700101877 đăng ký lần đầu ngày 01/07/2008, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 27/04/2010, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 09/07/2010; hoạt động kinh doanh của Công ty là:

### Ngành nghề kinh doanh:

- ✦ Khai thác, chế biến, kinh doanh than và các khoáng sản khác;
- ✦ Bốc xúc, vận chuyển than và đất đá;
- ✦ Chế tạo, sửa chữa, phục hồi thiết bị mỏ, phương tiện vận tải và các sản phẩm cơ khí khác;
- ✦ Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, giao thông, dân dụng, đường dây và trạm;
- ✦ Đầu tư, kinh doanh hạ tầng và bất động sản;
- ✦ Vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy;
- ✦ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- ✦ Quản lý, khai thác cảng và biển thủy;
- ✦ Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, khách sạn;
- ✦ Dịch vụ cung ứng lao động;
- ✦ Kinh doanh xăng dầu;
- ✦ Sản xuất nước tinh khiết;
- ✦ Mua bán, xuất khẩu máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng hàng hóa;
- ✦ Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện bốc xúc vận tải;
- ✦ Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- ✦ Trồng rừng và chăm sóc rừng khác;
- ✦ Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại 185 Nguyễn Văn Cừ, Phường Vàng Danh, TX Uông Bí, Quảng Ninh.  
Vốn điều lệ của Công ty là: 152.807.900.000 đồng (Một trăm năm hai tỷ, tám trăm lẻ bảy triệu chín trăm nghìn đồng Việt Nam)

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Chuẩn  
Ông Phạm Văn Mật  
Ông Nguyễn Văn Trịnh  
Ông Khuất Mạnh Thắng  
Ông Đinh Quang Minh  
Ông Nguyễn Tiến Phương  
Ông Đặng Văn Kham

Chủ tịch HĐQT  
Ủy viên HĐQT  
Chủ tịch HĐQT  
Ủy viên HĐQT  
Ủy viên HĐQT  
Ủy viên HĐQT  
Ủy viên HĐQT

Thôi giữ chức từ ngày 12/4/2010  
Thôi giữ chức từ ngày 12/4/2010  
Giữ chức từ ngày 12/4/2010  
Giữ chức từ ngày 12/4/2010



## Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Mật	Giám đốc	Thôi giữ chức từ ngày 12/4/2010
Ông Nguyễn Văn Trịnh	Giám đốc	Giữ chức từ ngày 12/4/2010
Ông Khuất Mạnh Thắng	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Phương	Phó Giám đốc	
Ông Trịnh Xuân Thỏa	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Giám đốc	
Ông Phùng Đình Hòa	Phó Giám đốc	
Ông Phan Xuân Thủy	Phó Giám đốc	Giữ chức từ ngày 6/5/2010

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Quảng Ninh ngày 08 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Văn Trịnh



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÀN VÀ KIỂM TOÁN**  
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE  
COMPANY LTD. (AASC)  
THÀNH VIÊN INPACT QUỐC TẾ

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

*Của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – TKV*

**Kính gửi: Hội đồng Quản Trị**

**Ban Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – TKV**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – TKV được lập ngày 08/03/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010 kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 5 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### *Cơ sở ý kiến*

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### *Ý kiến kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – TKV tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo về việc Công ty đã tạm phân phối toàn bộ lợi nhuận sau thuế theo ciing văn số 737/TKV-HDTV ngày 01/03/2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam Vinacomin.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**  
**KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)**

Phó Tổng Giám đốc  
  
NGUYỄN QUỐC DŨNG  
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Kiểm toán viên

  
NGUYỄN THỊ HẢI HƯƠNG  
Chứng chỉ KTV số: 0367/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
100	<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>513.968.815.642</b>	<b>348.947.188.711</b>
110	<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>162.350.010.748</b>	<b>194.425.985.290</b>
111	1 Tiền	03	162.350.010.748	194.425.985.290
130	<b>II Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>271.466.778.908</b>	<b>60.042.310.309</b>
131	1 Phải thu của khách hàng		249.281.865.137	39.304.724.907
132	2 Trả trước cho người bán		4.102.816.110	3.963.004.057
135	5 Các khoản phải thu khác	05	18.082.097.661	16.774.581.345
140	<b>IV Hàng tồn kho</b>		<b>79.601.793.586</b>	<b>88.371.876.325</b>
141	1 Hàng tồn kho	06	79.601.793.586	88.371.876.325
150	<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>550.232.400</b>	<b>6.107.016.787</b>
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn			
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			5.527.479.274
158	4 Tài sản ngắn hạn khác		550.232.400	579.537.513
200	<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>800.805.878.834</b>	<b>688.907.061.613</b>
220	<b>II Tài sản cố định</b>		<b>800.422.328.834</b>	<b>686.752.319.448</b>
221	1 Tài sản cố định hữu hình	10	696.888.744.822	631.952.634.058
222	- Nguyên giá		1.597.443.638.007	1.296.437.268.514
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(900.554.893.185)	(664.484.634.456)
227	2 Tài sản cố định vô hình	12	-	19.911.203
228	- Nguyên giá		742.953.443	742.953.443
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(742.953.443)	(723.042.240)
230	3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	103.533.584.012	54.779.774.187
250	<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	15	<b>300.000.000</b>	<b>600.000.000</b>
258	3 Đầu tư dài hạn khác		300.000.000	600.000.000
260	<b>V Tài sản dài hạn khác</b>		<b>83.550.000</b>	<b>1.554.742.165</b>
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	16		1.554.742.165
268	3 Tài sản dài hạn khác		83.550.000	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.314.774.694.476</b>	<b>1.037.854.250.324</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của BCTC này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
300	<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.130.040.838.914</b>	<b>896.419.330.902</b>
310	<b>I Nợ ngắn hạn</b>		<b>467.609.934.923</b>	<b>312.283.517.373</b>
312	2 Phải trả người bán		76.943.186.038	105.316.801.082
313	3 Người mua trả tiền trước			552.468.861
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	56.100.590.534	24.619.402.652
315	5 Phải trả người lao động		180.972.230.608	108.115.164.117
316	6 Chi phí phải trả	19	1.107.345.920	803.100.692
317	7 Phải trả nội bộ		61.566.476.436	14.689.011.799
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	59.855.608.205	29.382.720.361
320	10 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		31.064.497.182	28.804.847.809
330	<b>II Nợ dài hạn</b>		<b>662.430.903.991</b>	<b>584.135.813.529</b>
333	3 Phải trả dài hạn khác			691.655.911
334	4 Vay và nợ dài hạn	22	658.328.481.831	581.119.760.147
335	6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		3.614.642.573	1.836.617.884
336	7 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		487.779.587	487.779.587
400	<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>184.733.855.562</b>	<b>141.434.919.422</b>
410	<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	24	<b>184.626.419.703</b>	<b>141.066.570.698</b>
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		152.807.900.000	123.340.000.000
413	3 Vốn khác của chủ sở hữu		7.977.646.473	9.733.500.609
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		20.545.227.366	7.993.070.089
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		3.295.645.864	
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
430	<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>107.435.859</b>	<b>368.348.724</b>
433	3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		107.435.859	368.348.724
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.314.774.694.476</b>	<b>1.037.854.250.324</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của BCTC này



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
1	Tài sản thuê ngoài				
2	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3	Hàng hóa nhận bán bộ, nhận ký gửi, ký cược				
4	Nợ khó đòi đã xử lý			282.309.168	282.309.168
5	Ngoại tệ các loại				
6	Dự án chi sự nghiệp, dự án				

Người lập biểu



Trần Thị Oanh

Kế toán trưởng



Đinh Quang Lung

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2011

Giám đốc



Nguyễn Văn Trịnh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	2.300.869.406.722	123.340.000.000
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.300.869.406.722	123.340.000.000
11	4 Giá vốn hàng bán	28	1.946.936.341.770	1.441.105.286.478
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		353.933.064.952	243.882.486.914
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	29	11.498.478.860	4.827.230.271
22	7 Chi phí tài chính	30	79.884.432.871	57.890.724.793
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		79.750.209.269	57.797.310.254
24	8 Chi phí bán hàng		3.280.316.627	2.996.103.595
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		188.298.591.783	128.822.558.395
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		93.968.202.531	59.000.330.402
31	11 Thu nhập khác		1.812.773.515	1.569.714.913
32	12 Chi phí khác		7.343.778.135	817.045.949
40	13 Lợi nhuận khác		(5.531.004.620)	752.668.964
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		88.437.197.911	59.752.999.366
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	22.524.280.628	14.940.638.195
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		65.912.917.283	44.812.361.171
70	18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	35	4.774	3.633

Người lập biểu



Trần Thị Oanh

Kế toán trưởng



Đinh Quang Lung

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2011

Giám đốc



Nguyễn Văn Trịnh

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của BCTC này

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của BCTC này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***Theo phương pháp gián tiếp*

Năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	<b>88.437.197.911</b>	<b>59.752.999.366</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	272.617.437.434	225.105.815.483
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	03	(7.550.663.751)	(4.873.942.546)
Chi phí lãi vay	04	79.750.209.269	57.797.310.254
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>433.254.180.863</b>	<b>337.782.182.557</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(206.280.341.020)	134.546.074.586
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	8.770.082.739	(20.745.514.678)
(Tăng)/Giảm các khoản phải trả	11	107.741.665.707	(14.795.797.288)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.554.742.165	3.109.484.328
Tiền lãi vay đã trả	13	(87.082.283.330)	(51.013.687.246)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(18.531.494.679)	(20.307.025.793)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	202.723.276	7.863.035.973
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(90.585.161.968)	(190.095.715.656)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>149.044.113.753</b>	<b>186.343.036.783</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(266.179.473.730)	(156.465.500.165)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	(3.947.815.109)	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(491.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	491.000.000.000	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	300.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.498.478.860	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(258.328.809.979)</b>	<b>(156.465.500.165)</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của BCTC này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***Theo phương pháp gián tiếp*

Năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	288.769.438.747	217.614.074.382
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(211.560.717.063)	(186.421.120.685)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>77.208.721.684</b>	<b>31.192.953.697</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(32.075.974.542)</b>	<b>61.070.490.315</b>
<b>Tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>194.425.985.290</b>	<b>133.355.494.975</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>162.350.010.748</b>	<b>194.425.985.290</b>

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu



Trần Thị Oanh

Kế toán trưởng



Đinh Quang Lung

Giám đốc



Nguyễn Văn Trịnh

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của BCTC này



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – TKV tiền thân là Công ty Than Vàng Danh – TKV là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1119/QĐ-BCN ngày 03/07/2007 của Bộ Công nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại 185 Nguyễn Văn Cừ, Phường Vàng Danh, TX Uông Bí, Quảng Ninh.

### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh dịch vụ.

### Ngành nghề kinh doanh

- ✚ Khai thác, chế biến, kinh doanh than và các khoáng sản khác;
- ✚ Bốc xúc, vận chuyển than và đất đá;
- ✚ Chế tạo, sửa chữa, phục hồi thiết bị mỏ, phương tiện vận tải và các sản phẩm cơ khí khác;
- ✚ Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, giao thông, dân dụng, đường dây và trạm;
- ✚ Đầu tư, kinh doanh hạ tầng và bất động sản;
- ✚ Vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy;
- ✚ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- ✚ Quản lý, khai thác cảng và biển thủy;
- ✚ Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, khách sạn;
- ✚ Dịch vụ cung ứng lao động;
- ✚ Kinh doanh xăng dầu;
- ✚ Sản xuất nước tinh khiết;
- ✚ Mua bán, xuất khẩu máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng hàng hóa;
- ✚ Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện bốc xúc vận tải;
- ✚ Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- ✚ Trồng rừng và chăm sóc rừng khác;
- ✚ Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### Kỳ kết toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của BCTC này*

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

## Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam được Bộ Tài Chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.

### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ .

## Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi

## Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng Tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng phương pháp xác định Chi phí dở dang và Thành phẩm thực hiện theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

## Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25 năm
- Máy móc thiết bị	5-10 năm
- Phương tiện vận tải	6-15 năm
- TSCĐ khác	4-25 năm

Trong năm 2010 Công ty trích khấu hao nhanh đối với TSCĐ là Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của BCTC này*

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Năm 2010*

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, công ty liên kết phát sinh say ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

### Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ đi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

### Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

### Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

-Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.

-Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của BCTC này*

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Năm 2010*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Năm 2010 Công ty áp dụng thuế suất TNDN là 25%.

*Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của BCTC này*





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2010

**12. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	742.953.443	742.953.443
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	742.953.443	742.953.443
<b>Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	723.042.240	723.042.240
Khấu hao trong năm	19.911.203	19.911.203
Số cuối năm	742.953.443	742.953.443
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	19.911.203	19.911.203
Tại ngày cuối năm	-	-

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>Tổng số</b>	<b>103.533.584.012</b>	<b>54.779.774.187</b>
<i>Trong đó các công trình lớn</i>		
- Dự án: Nhà máy tuyến Vàng Danh II	45.982.234.214	8.408.402.905
- Công trình: Nhà sinh hoạt khu cánh gà		17.168.080.888
- Công trình Khai thác phần lò giếng cánh gà	7.481.039.231	17.945.162.776
- Công trình: Giếng mức +00 đến -175	32.678.252.906	6.496.869.759
- Công trình: Cầu đường sắt 900 ly		4.120.036.560
- Công trình: Hội trường đa năng	14.254.322.394	

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của BCTC này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2010

**15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư dài hạn khác	300.000.000	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000</b>	<b>600.000.000</b>

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀNH HẠN**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Giá trị lợi thế doanh nghiệp phát sinh khi CPH	-	1.554.742.165
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.554.742.165</b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế GTGT	16.403.792.251	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	9.566.544.426	5.573.758.477
Thuế thu nhập cá nhân	2.956.271.015	539.062.715
Thuế tài nguyên	25.292.951.988	16.644.021.265
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	91.188.854	91.090.195
Phí bảo vệ môi trường	1.789.842.000	1.771.470.000
<b>Cộng</b>	<b>56.100.590.534</b>	<b>24.619.402.652</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.107.345.920	803.100.692
<b>Cộng</b>	<b>1.107.345.920</b>	<b>803.100.692</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của BCTC này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2010

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Bảo hiểm xã hội	1.291.017	340.455.284
Kinh phí công đoàn	4.135.471.309	2.378.715.909
Phải trả về cổ phần hoá		1.387.516.580
Quỹ hỗ trợ tương trợ	4.150.334.293	1.053.348.337
Phải trả tiền phân phối lại quý lương	30.118.675.026	
Phải trả tiền bù ăn ca	3.727.113.900	5.035.447.000
Phải trả tiền cổ tức	12.160.060.201	9.763.655.899
Phải trả tiền thuê lao động hợp đồng	940.453.832	
Phải trả tiền thưởng sáng kiến hợp lý hóa sản xuất	322.660.000	
Phải trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng	354.695.567	1.581.384.551
Tiền thuế TNCN	794.029.450	251.396.303
Tiền bồi thường vật chất theo quyết định của Công ty	372.820.800	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.778.002.810	7.590.800.498
<b>Cộng</b>	<b>59.855.608.205</b>	<b>29.382.720.361</b>

**22. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay dài hạn	658.328.481.831	581.119.760.147
- Vay ngân hàng	624.528.880.780	553.164.959.692
- Vay đối tượng khác (Tập đoàn thanh & Cty TC TKV)	33.799.601.051	27.954.800.455
<b>Cộng</b>	<b>658.328.481.831</b>	<b>581.119.760.147</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của BCTC này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2010

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND	
	Vốn đầu tư của CSH	Vốn CSH khác
Số dư cuối năm trước	123.340.000.000	9.733.500.000
Tăng vốn trong kỳ	29.467.900.000	4.682.000.000
Lãi trong kỳ		3.295.645.864
Tăng khác		17.234.157.277
Giảm vốn trong kỳ		9.733.500.000
Lỗ trong kỳ		
Giảm khác		
Số dư cuối kỳ	152.807.900.000	7.977.646.473

	Quy đầu tư phát triển	Quy dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư cuối năm trước	7.993.070.089		141.066.570.698	
Tăng vốn trong kỳ			34.149.900.000	
Lãi trong kỳ		3.295.645.864	65.912.917.283	
Tăng khác				
Giảm vốn trong kỳ	4.682.000.000			
Lỗ trong kỳ				
Giảm khác			65.912.917.283	
Số dư cuối kỳ	20.545.227.366	3.295.645.864	-	184.626.419.703

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp của Nhà nước	78.146.130.000	63.076.220.000
Vốn góp của các đối tượng khác	74.661.770.000	60.263.780.000
<b>Cộng</b>	<b>152.807.900.000</b>	<b>123.340.000.000</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của BCTC này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2010

**c) Cổ phiếu**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.280.790	12.334.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.280.790	12.334.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.280.790	12.334.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.280.790	12.334.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.280.790	12.334.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

**d) Các quỹ của công ty**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	20.545.227.366	7.993.070.089
Quỹ dự phòng tài chính	3.295.645.864	

**27. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng	2.142.007.994.113	1.531.009.353.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	158.861.412.609	153.978.420.392
<b>Cộng</b>	<b>2.300.869.406.722</b>	<b>1.684.987.773.392</b>

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.788.139.179.318	1.287.144.730.491
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	158.797.162.452	153.960.555.987
<b>Cộng</b>	<b>1.946.936.341.770</b>	<b>1.441.105.286.478</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của BCTC này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2010

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.498.478.860	4.827.230.271
<b>Cộng</b>	<b>11.498.478.860</b>	<b>4.827.230.271</b>

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	79.750.209.269	57.797.310.254
Chi phí tài chính khác	134.223.602	93.414.539
<b>Cộng</b>	<b>79.884.432.871</b>	<b>57.890.724.793</b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	22.524.280.628	14.940.638.195
<b>Cộng</b>	<b>22.524.280.628</b>	<b>14.940.638.195</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của BCTC này



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2010

### 35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	65.912.917.283	44.812.361.171
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	65.912.917.283	44.812.361.171
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.807.395	12.334.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.774	3.633

### 40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam.

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		28.304.847.809
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		500.000.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	28.804.847.809	

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
		
Trần Thị Oanh	Đinh Quang Lung	Nguyễn Văn Trịnh

